

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, Ngày 28 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 1/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

- Mã chứng khoán: **AIG**
- Địa chỉ: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Điện thoại liên hệ/Tel: **028 5416 1386**
- Fax:
- Email:.....
- Website: **www.asiagroup-vn.com**

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 1/năm 2025
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/04/2025 tại đường dẫn: www.asiagroup-vn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý 1/2025
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận Quý 1/2025 so với cùng kỳ

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 04 năm 2025

**GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO QUÝ 1/2025 SO VỚI
CÙNG KỲ**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
Tên Tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION
Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 5416 1386
Website: www.asiagroup-vn.com
Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Tùng
Chức danh: Người đại diện theo pháp luật
Loại thông tin công bố:
☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/04/2025, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) phát hành Báo cáo tài chính riêng Quý 1/2025 tự lập (“Báo cáo”) ký ngày 28/04/2025.

Theo đó, Công ty xin giải trình nguyên nhân làm thay đổi lợi nhuận sau thuế từ lỗ trong Quý 1/2024 sang lãi trong Quý 1/2025 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Đơn vị: đồng
				% Tăng/(Giảm)
50	15. Lợi nhuận thuần trước thuế	19.978.536.252	(7.723.508.508)	-358,67%
60	18. Lợi nhuận sau thuế	19.978.536.252	(7.723.508.508)	-358,67%

Một số nguyên nhân:

- o **Mã số 21:** Trong Quý 1/2024 công ty không nhận khoản thu nhập từ cổ tức nhưng trong Quý 1/2025 có phát sinh khoản thu nhập từ cổ tức đáng kể so với

các khoản mục chi phí, dẫn đến lợi nhuận sau thuế thay đổi từ lỗ trong Quý 1/2024 sang lãi trong Quý 1/2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Tùng



Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 29

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.367.551.717	110.974.415.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	45.721.962.138	25.613.245.018
111	▪ Tiền		9.721.962.138	4.469.305.846
112	▪ Các khoản tương đương tiền		36.000.000.000	21.143.939.172
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.997.047.956	61.758.029.676
131	▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	91.837.320	15.683.207.387
132	▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	882.061.009	821.007.846
135	▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn		20.000.000.000	25.000.000.000
136	▪ Phải thu ngắn hạn khác	6	17.023.149.627	20.253.814.443
140	IV. Hàng tồn kho		13.661.358	15.280.302
141	▪ Hàng tồn kho		13.661.358	15.280.302
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.634.880.265	23.587.860.548
151	▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.023.757.902	896.937.938
152	▪ Thuế GTGT được khấu trừ		22.604.482.363	22.684.282.610
153	▪ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	6.640.000	6.640.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.357.664.108.546	3.428.376.898.639
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		28.000.000	28.000.000
216	▪ Phải thu dài hạn khác	6	28.000.000	28.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.262.834.427	2.412.674.470
221	▪ Tài sản cố định hữu hình	7	1.851.057.761	1.986.419.471
222	- Nguyên giá		3.585.439.545	3.585.439.545
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.734.381.784)	(1.599.020.074)
227	▪ Tài sản cố định vô hình	8	411.776.666	426.254.999
228	- Nguyên giá		505.800.000	505.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.023.334)	(79.545.001)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	102.688.272.997	104.252.053.804
231	▪ Nguyên giá		110.500.000.000	110.500.000.000
232	▪ Giá trị hao mòn lũy kế		(7.811.727.003)	(6.247.946.196)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.624.037.678	1.403.256.428
242	▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.624.037.678	1.403.256.428
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	10	3.114.761.978.291	3.184.744.578.291
251	▪ Đầu tư vào công ty con	10.1	2.822.117.744.316	2.892.100.344.316
252	▪ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.2	301.802.120.465	301.802.120.465
254	▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	10	(9.157.886.490)	(9.157.886.490)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		136.298.985.153	135.536.335.646
261	▪ Chi phí trả trước dài hạn	11	136.298.985.153	135.536.335.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.465.031.660.263	3.539.351.314.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025

VND

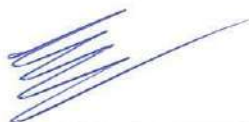
Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		583.287.081.113	677.585.271.285
310	I. Nợ ngắn hạn		583.287.081.113	677.585.271.285
311	▪ Phải trả cho người bán ngắn hạn	12	736.520.670	2.211.009.216
313	▪ Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	13	2.252.180.037	880.641.233
315	▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	14	21.115.279.680	25.117.517.473
318	▪ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.000.000	7.000.000
319	▪ Phải trả ngắn hạn khác		75.806.570	268.809.207
320	▪ Vay ngắn hạn	15	545.000.000.000	635.000.000.000
322	▪ Quỹ khen thưởng và phúc lợi		14.100.294.156	14.100.294.156
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.881.744.579.150	2.861.766.042.898
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.881.744.579.150	2.861.766.042.898
411	▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	▪ Thặng dư vốn cổ phần	16.1	174.000.000.000	174.000.000.000
421	▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.1	1.001.731.599.150	981.753.062.898
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		981.753.062.898	778.012.102.801
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		19.978.536.252	203.740.960.097
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.465.031.660.263	3.539.351.314.183

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	17.1	5.562.988.280	5.077.769.333	5.562.988.280	5.077.769.333
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần	17.1	5.562.988.280	5.077.769.333	5.562.988.280	5.077.769.333
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(2.675.136.359)	(2.637.010.566)	(2.675.136.359)	(2.637.010.566)
20	5. Lợi nhuận gộp		2.887.851.921	2.440.758.767	2.887.851.921	2.440.758.767
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	38.325.233.653	50.884.088	38.325.233.653	50.884.088
22	7. Chi phí tài chính	19	(8.905.662.297)	(252.616.439)	(8.905.662.297)	(252.616.439)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(8.902.109.588)	(252.616.439)	(8.902.109.588)	(252.616.439)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(12.329.287.825)	(9.942.554.724)	(12.329.287.825)	(9.942.554.724)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.978.135.452	(7.703.528.308)	19.978.135.452	(7.703.528.308)
31	11. Thu nhập khác		400.800	19.800	400.800	19.800
32	12. Chi phí khác		-	(20.000.000)	-	(20.000.000)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
40	13. Lợi nhuận khác		400.800	(19.980.200)	400.800	(19.980.200)
50	14. Lợi nhuận thuần trước thuế		19.978.536.252	(7.723.508.508)	19.978.536.252	(7.723.508.508)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế		19.978.536.252	(7.723.508.508)	19.978.536.252	(7.723.508.508)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		19.978.536.252	(7.723.508.508)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	▪ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	7;8;9	1.713.620.850	1.706.443.818
05	▪ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	17.2	(38.325.233.653)	(50.884.088)
06	▪ Chi phí lãi vay	19	8.902.109.588	252.616.439
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.730.966.963)	(5.815.332.339)
09	▪ (Tăng)/giảm các khoản phải thu		15.980.201.270	78.912.159.723
10	▪ (Tăng)/giảm hàng tồn kho		1.618.944	(17.015.085)
11	▪ Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(3.531.749.075)	(233.887.081.542)
12	▪ (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(889.469.471)	(115.956.433.831)
14	▪ Tiền lãi vay đã trả		(9.763.150.685)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.933.515.980)	(276.763.703.074)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	▪ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(126.181.250)	108.005.002.255
23	▪ Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
24	▪ Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		15.000.000.000	-
25	▪ Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	37.967.680.000
26	▪ Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		69.982.600.000	-
27	▪ Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.185.814.350	36.406.445.871
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		116.042.233.100	182.379.128.126

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

VND

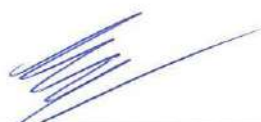
Mã số	Chi tiêu	TM	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	▪ Tiền thu từ đi vay	15	-	80.000.000.000
34	▪ Tiền chi trả nợ gốc vay		(90.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(90.000.000.000)	80.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.108.717.120	(14.384.574.948)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	25.613.245.018	30.500.208.297
61	▪ Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	45.721.962.138	16.115.633.349

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2025



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là 61 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 61).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó:

Công ty con bao gồm:

▶ ***Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")***

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")***

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")***

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần APIS ("APIS")***

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")***

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")***

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")***

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 04 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► ***Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")***

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,5% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,5% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► ***Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")***

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► ***Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")***

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► ***Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")***

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 09 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong MDG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► ***Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")***

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 02 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 83% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 83% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")***

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm 49,03% tỷ lệ sở hữu và 63,70% quyền biểu quyết trong AFS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

Công ty liên doanh:

► ***Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")***

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2022. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 15% tỷ lệ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 30% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

Công ty liên kết:

► ***Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")***

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 49% tỷ lệ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty liên kết: (tiếp theo)

▶ Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 20% tỷ lệ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 40% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

▶ Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")

GCF là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 05 năm 2011 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ 44,5% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong GCF (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 44,5% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

AIG Asia Ingredients Corporation

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 March 2025 and for the accounting period at the end of Quarter I/2025

2. BASIS OF PREPARATION (continued)

2.2 *Applied accounting standards and system* (continued)

- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying separate financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the separate financial position and separate results of operations and separate cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.3 *Applied accounting documentation system*

The Company's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.4 *Fiscal year*

The Company's fiscal year applicable for the preparation of its separate financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.5 *Accounting currency*

The separate financial statements are prepared in VND which is also the Company's accounting currency.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 *Cash and cash equivalents*

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash at banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.2 *Receivables*

Receivables are presented in the separate financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after deducting provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expenses in the separate income statement.

3.3 *Tangible fixed assets*

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the separate income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the separate income statement.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Tiền mặt	48.634.675	4.720.000
Tiền gửi ngân hàng	9.673.327.463	4.464.585.846
Các khoản tương đương tiền	36.000.000.000	21.143.939.172
Tổng cộng	45.721.962.138	25.613.245.018

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 22)	91.837.320	15.683.207.387
Tổng cộng	91.837.320	15.683.207.387
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	91.837.320	15.683.207.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Trả trước cho các công ty khác	882.061.009	821.007.846
Công ty TNHH Một thành viên HKKL	846.450.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại	-	819.480.481
Dịch vụ Kha An Decor		
Các công ty khác	35.611.009	1.527.365
Tổng cộng	882.061.009	821.007.846

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cho vay	344.143.835	204.724.532
Tạm ứng cho nhân viên	5.961.889.362	5.759.118.762
Phải thu cổ tức công ty con (Thuyết minh 22)	9.000.000.000	12.000.000.000
Đặt cọc	716.639.691	567.639.691
Phải thu ngắn hạn khác	1.000.476.739	1.722.331.458
Tổng cộng	17.023.149.627	20.253.814.443
Dài hạn		
Đặt cọc	28.000.000	28.000.000
Tổng cộng	28.000.000	28.000.000
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	7.817.964.696	8.084.040.471
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 22)	9.233.184.931	12.197.773.972

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.598.035.000	1.901.040.909	86.363.636
Mua trong năm		-	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	1.598.035.000	1.901.040.909	86.363.636
Giá trị khấu hao lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	207.333.960	1.372.973.992	18.712.122
Khấu hao	51.833.490	79.210.038	4.318.182
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	259.167.450	1.452.184.030	23.030.304
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.390.701.040	528.066.917	67.651.514
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	1.338.867.550	448.856.879	63.333.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, tên thương mại	TSCĐ Khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	395.800.000	110.000.000	505.800.000
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	395.800.000	110.000.000	505.800.000
Giá trị khấu hao lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	21.631.669	57.913.332	79.545.001
Khấu hao	9.894.999	4.583.334	14.478.333
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	31.526.668	62.496.666	94.023.334
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	374.168.331	52.086.668	426.254.999
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	364.273.332	47.503.334	411.776.666

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	110.500.000.000
Mua trong năm	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	110.500.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	6.247.946.196
Khấu hao	1.563.780.807
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	7.811.727.003
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	104.252.053.804
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	102.688.272.997

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31/03/2025	VND Ngày 31/12/2024
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 10.1)	2.822.117.744.316	2.892.100.344.316
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 10.2)	301.802.120.465	301.802.120.465
Tổng cộng	3.123.919.864.781	3.193.902.464.781
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(9.157.886.490)	(9.157.886.490)
Giá trị thuần	3.114.761.978.291	3.184.744.578.291

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 31/03/2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Hoá chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34%	718.020.621.828	96,34%	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01%	503.512.000.000	64,01%	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42%	324.513.000.000	73,42%	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Apis	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96%	128.067.500.000	76,96%	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực Phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00%	37.900.000.000	100,00%	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc , gia cầm và thủy sản...	Đang hoạt động	99,995%	450.205.902.488	99,995%	450.205.902.488
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98%	158.948.720.000	99,98%	228.931.320.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	99,50%	199.000.000.000	99,50%	199.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Chế biến và bảo quản rau quả	Đang hoạt động	98,00%	264.600.000.000	98,00%	264.600.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	83,00%	37.350.000.000	83,00%	37.350.000.000
TỔNG CỘNG				2.822.117.744.316		2.892.100.344.316
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(9.157.886.490)		(9.157.886.490)
ĐẦU TƯ THUẬN				2.812.959.857.826		2.882.942.457.826

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.2 Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 31/03/2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	44,50%	301.802.120.465	44,50%	301.802.120.465
TỔNG CỘNG				301.802.120.465		301.802.120.465
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết				-		-
ĐẦU TƯ THUẬN				301.802.120.465		301.802.120.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	42.683.644	8.262.299
Chi phí bảo hiểm	293.607.216	74.277.687
Chi phí phần mềm	471.805.770	571.645.419
Chi phí khác	215.661.272	242.752.533
Tổng Cộng	1.023.757.902	896.937.938
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	128.237.738.637	128.450.002.788
Công cụ dụng cụ	662.061.935	664.171.371
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	5.195.518.442	3.667.520.244
Chi phí khác	2.203.666.139	2.754.641.243
Tổng Cộng	136.298.985.153	135.536.335.646

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả các công ty khác	719.629.173	2.206.070.056
Trong đó:		
Công ty TNHH Noventiq Việt Nam	-	570.456.000
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nhị Gia	117.867.285	105.697.276
Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	370.005.019	500.386.119
Egon Zehnder International Pte Ltd	-	653.059.542
Khác	231.756.869	376.471.119
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 22)	16.891.497	4.939.160
Tổng cộng	736.520.670	2.211.009.216

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31/12/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31/03/2025
Phải nộp				
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Thuế thu nhập cá nhân	874.241.233	2.250.611.591	(880.641.233)	2.244.211.591
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	72.504.396	(70.935.950)	1.568.446
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Khác	-	-	-	-
Tổng cộng	874.001.233	2.327.115.987	(955.577.183)	2.245.540.037
Trong đó				
Thuế phải trả	880.641.233			2.252.180.037
Thuế phải thu nhà nước	(6.640.000)			(6.640.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Lương mềm và lương tháng 13	828.870.000	4.046.509.000
Chi phí lãi vay bên liên quan (Thuyết minh 22)	19.867.657.540	14.230.945.209
Chi phí lãi vay khác	-	6.497.753.428
Khác	418.752.140	342.309.836
Tổng cộng	21.115.279.680	25.117.517.473

15. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng, cá nhân (Thuyết minh số 15.1)	90.000.000.000	635.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 15.2)	545.000.000.000	
	635.000.000.000	635.000.000.000
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	-	-
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	635.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Ngân hàng/cá nhân	Ngày 31/03/2025 VND	Kỳ hạn
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	80.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 06 năm 2024 đến ngày 20 tháng 06 năm 2025
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	200.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 05 năm 2024 đến ngày 17 tháng 07 năm 2025
Công ty Cổ phần Thương mại Victa	100.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 05 năm 2024 đến ngày 20 tháng 06 năm 2025
Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn	165.000.000.000	Từ ngày 02 tháng 02 năm 2024 đến ngày 15 tháng 04 năm 2025
Tổng cộng	545.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(7.723.508.508)	(7.723.508.508)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2024	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>770.288.594.293</u>	<u>2.650.301.574.293</u>
Năm nay				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	981.753.062.898	2.861.766.042.898
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	19.978.536.252	19.978.536.252
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>1.001.731.599.150</u>	<u>2.881.744.579.150</u>

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Ngày 31/03/2025	VND Ngày 31/12/2024
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>
Cổ tức đã chia	-	-

16.3 Shares

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Doanh thu gộp	5.562.988.280	5.077.769.333
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ	5.562.988.280	5.077.769.333
Doanh thu thuần	5.562.988.280	5.077.769.333
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	39.000.000	37.090.911
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 22)	5.523.988.280	5.040.678.422

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Lãi tiền gửi	604.759.132	50.884.088
Lãi tiền cho vay bên liên quan (Thuyết minh 22)	229.794.521	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.490.680.000	-
Tổng cộng	38.325.233.653	50.884.088

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.675.136.359	2.637.010.566
Tổng cộng	2.675.136.359	2.637.010.566

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Chi phí lãi vay bên liên quan (Thuyết minh 22)	7.277.671.235	252.616.439
Chi phí lãi vay khác	1.624.438.353	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.552.709	-
Tổng cộng	8.905.662.297	252.616.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	VND Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.329.287.825	9.942.554.724
Chi phí lương	7.658.991.763	5.452.325.501
Chi phí khấu hao và hao mòn	382.963.284	381.692.718
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	536.562.501	574.140.039
Chi phí khác	3.750.770.277	3.534.396.466
Tổng cộng	12.329.287.825	9.942.554.724

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	VND Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Lãi/(Lỗ) kế toán trước thuế	19.978.536.252	(7.723.508.508)
Thuế suất là 20% áp dụng cho Công ty	3.995.707.250	(1.544.701.702)
Chi phí không được trừ	30.189.522	142.444.663
Thu nhập không chịu thuế	(7.498.136.000)	-
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	3.472.239.228	1.402.257.039
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	VND Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn		Lãi vay	1.144.109.589	-
		Cổ tức được chia	-	-
		Cổ tức thực nhận	-	-
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức thực nhận	-	36.330.196.000
		Cổ tức được chia	-	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.096.991.412	1.916.383.360
		Lãi vay	2.465.753.424	-
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu		Cổ tức thực nhận	3.000.000.000	-
		Nhận lại gốc cho vay	15.000.000.000	-
		Lãi cho vay	83.630.137	-
		Lãi cho vay thực nhận	194.383.562	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	421.773.687	385.370.487
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	65.229.874	17.871.480
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	861.725.778	784.330.890
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn		Vay	-	80.000.000.000
		Lãi vay	2.237.671.235	252.616.439
		Lãi vay đã trả	1.640.958.904	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.268.133.241	1.155.199.739
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Giảm vốn điều lệ	69.982.600.000	129.967.680.000
		Lãi vay	1.430.136.987	-
		Cổ tức được chia	37.490.680.000	-
		Cổ tức thực nhận	37.490.680.000	-
		Mua TSCĐ, Công cụ dụng cụ	-	1.948.195.000
		Chi phí dịch vụ thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà khác	-	158.144.218
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	875.364.162	799.393.946
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Công ty con	Góp vốn	-	83.000.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Công ty con	Góp vốn	-	9.000.000.000
		Cho vay	10.000.000.000	-
		Lãi cho vay	146.164.384	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Phải thu của khách hàng				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.858.883	8.615.089.546
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.321.356	6.969.192.978
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.135.241	12.416.570
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.373.244	67.075.145
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.148.596	19.433.148
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Cổ tức phải thu	9.000.000.000	12.000.000.000
		Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	15.000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	-	110.753.425
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	233.184.931	87.020.547
		Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau: (tiếp theo)

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	16.891.497	4.939.160
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Vay ngắn hạn	165.000.000.000	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Vay ngắn hạn	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Vay ngắn hạn	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Vay ngắn hạn	80.000.000.000	80.000.000.000
Lãi vay				
Công Ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	3.083.767.122	2.487.054.791
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	8.419.178.085	5.953.424.661
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	4.673.369.864	3.243.232.877
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	3.691.342.469	2.547.232.880

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2024
Lương và lương mềm	<u>1.045.533.000</u>	<u>1.303.718.750</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý I/2025

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
Trong vòng 01 năm	7.924.731.408	7.924.731.408
Trên 01 năm đến 05 năm	31.698.925.632	31.698.925.632
Trên 05 năm	300.972.755.224	302.953.938.076
Tổng cộng	340.596.412.264	342.577.595.116

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2025


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

